TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2020/HNGĐ-PT
Ngày: 17-11-2020
V/v tranh chấp: "Cấp dưỡng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Ngoan.

Các Thẩm phán: Bà Lưu Thị Thu Thủy.

Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Bùi Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Minh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2020/TLPT-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp "Cấp dưỡng".

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 31/2020/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 6 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 431/2020/QĐ-PT ngày 05 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Dương Thị Huỳnh N, sinh năm 1981;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1961 (theo văn bản ủy quyền ngày 14/02/2020) (có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*: Anh Hồ Thanh T, sinh năm 1977 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn anh Hồ Thanh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

** Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị A trình bày:* Chị Dương Thị Huỳnh N và anh Hồ Thanh T được Tòa án nhân dân huyện T giải quyết không công nhận là vợ chồng theo bản án số 08/HNST ngày

15/9/2004. Về con chung, chị N và anh T có 01 con chung là cháu Dương Thị Huỳnh A1, sinh ngày 06/3/2003, Tòa án quyết định giao cho chị N nuôi con, buộc anh T cấp dưỡng cho con mỗi tháng 200.000 đồng, thực hiện từ tháng 9/2004 đến khi cháu A1 đủ 18 tuổi. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, anh T cấp dưỡng cho con được 06 tháng với số tiền 1.200.000 đồng thì ngưng luôn cho đến nay.

Nay, cháu A1 đã lớn, nhu cầu về cuộc sống cao hơn nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết tăng mức cấp dưỡng cho cháu A1 lên 1.500.000 đồng/tháng. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà A là đại diện theo ủy quyền của chị N yêu cầu anh T cấp dưỡng cho cháu A1 mỗi tháng 1.000.000 đồng, thực hiện từ tháng 12/2019 đến khi cháu A1 tròn 18 tuổi lao động được.

** Bị đơn anh Hồ Thanh T trình bày:* Hiện nay anh đã lập gia đình và có 02 con, vợ anh bị bệnh, gia đình không có ruộng vườn, nguồn thu nhập của gia đình từ công việc bốc vác của anh cũng không ổn định, gia đình khó khăn, anh xin giữ mức cấp dưỡng cho con như cũ là 200.000 đồng/tháng.

* Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 31/2020/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng khoản 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 107, Điều 110, Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Huỳnh N.

Buộc anh Hồ Thanh T cấp dưỡng cho cháu Dương Thị Huỳnh A1, sinh ngày 06/3/2003 mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng). Thực hiện từ tháng 12/2019 đến khi cháu A1 tròn 18 tuổi lao động được.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 10/7/2020, bị đơn anh Hồ Thanh T có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Huỳnh N.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

* Bị đơn anh Hồ Thanh T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Huỳnh N về việc buộc anh cấp dưỡng cho cháu Dương Thị Huỳnh A1, sinh ngày 06/3/2003 mỗi tháng 1.000.000 đồng, thực hiện từ tháng 12/2019 đến khi cháu A1 tròn 18 tuổi và lao động được; đồng thời anh xin giữ mức cấp dưỡng cho con như cũ là 200.000 đồng/tháng. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Dương Thị Huỳnh N là bà Nguyễn Thị A cho rằng cháu Huỳnh A1 đã lớn, nhu cầu về cuộc sống cao hơn nên tiếp tục yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu Huỳnh A1 mỗi tháng 1.000.000 đồng, thực hiện từ tháng 12/2019 đến khi cháu

Huỳnh A1 tròn 18 tuổi và lao động được. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo: Xét thấy Tòa án nhân dân huyện T xét xử vụ án có căn cứ, đúng quy định pháp luật; anh T kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới chứng minh yêu cầu kháng cáo của anh nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Anh Hồ Thanh T nộp đơn kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Dương Thị Huỳnh N có đơn khởi kiện yêu cầu anh Hồ Thanh T tăng mức cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Hồ Thanh T đang cư trú tại Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang nên Tòa án nhân dân huyện T xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết là có căn cứ, đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ tranh chấp: Chị Dương Thị Huỳnh N có đơn khởi kiện tranh chấp về mức cấp dưỡng nuôi con chung với anh Hồ Thanh T. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp "Cấp dưỡng" là có căn cứ, đúng quy định tại khoản 5 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung kháng cáo: Xét yêu cầu kháng cáo của anh Hồ Thanh T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo Bản án số 08/HNST ngày 15/9/2004 của Tòa án nhân dân huyện T, chị Dương Thị Huỳnh N và anh Hồ Thanh T không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên không được công nhận là vợ chồng; tuy nhiên, anh chị đều thừa nhận cháu Dương Thị Huỳnh A1, sinh ngày 06/3/2003 là con chung của anh chị nên xác định cháu Huỳnh A1 là con chung của anh T và chị N. Đồng thời, theo bản án trên, Tòa án nhân dân huyện T giao cháu Huỳnh A1 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng và buộc anh T cấp dưỡng nuôi cháu Huỳnh A1 mỗi tháng 200.000 đồng, thời gian thực hiện việc cấp dưỡng từ tháng 9/2004 đến khi cháu Huỳnh A1 trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Nhận thấy, từ khi Bản án số 08/HNST ngày 15/9/2004 của Tòa án nhân dân huyện T có hiệu lực pháp luật, anh Hồ Thanh T chỉ thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng đến tháng 3/2005 thì ngưng. Theo anh T, lý do là vì anh đã lập gia đình

mới, có 02 con chung với vợ mới và do việc làm không ổn định. Tuy nhiên, lý do này của anh T không có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ, dù ly hôn, trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung vẫn là trách nhiệm chung của cả cha và mẹ. Hơn nữa, theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con; do đó anh Hồ Thanh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

Về mức cấp dưỡng nuôi con: Nhận thấy nhu cầu chi trả các khoản phí sinh hoạt, học tập của mỗi cá nhân sẽ tăng dần theo thời gian; do đó, việc chị Dương Thị Huỳnh N yêu cầu tăng mức cấp dưỡng đối với cháu Dương Thị Huỳnh A1 là có cơ sở. Theo đơn khởi kiện, chị N yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu Huỳnh A1 mỗi tháng 1.500.000 đồng; tuy nhiên qua các buổi hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện của chị N là bà A thay đổi, chỉ yêu cầu anh T cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng là có lợi cho anh T. Xét thấy, mức cấp dưỡng này là phù hợp với nhu cầu hiện tại của cháu Huỳnh A1; anh T cho rằng anh đã lập gia đình mới và có 02 con, vợ anh bị bệnh, gia đình không có ruộng vườn, nguồn thu nhập của gia đình từ công việc bốc vác của anh cũng không ổn định, gia đình khó khăn nên xin giữ mức cấp dưỡng cho con như cũ là 200.000 đồng/tháng không có cơ sở chấp nhận.

Từ những nhận định trên, xét thấy yêu cầu kháng cáo của anh Hồ Thanh T là không có cơ sở; anh T kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh, đồng thời giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của anh Hồ Thanh T không được chấp nhận nên anh phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 107, Điều 110, Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 6 Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Hồ Thanh T. Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 31/2020/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 6 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Huỳnh N. Buộc anh Hồ Thanh T cấp dưỡng cho cháu Dương Thị Huỳnh A1, sinh ngày 06/3/2003 mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng). Thực hiện từ tháng 12/2019 đến khi cháu Huỳnh A1 tròn 18 tuổi, lao động được.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

Anh Hồ Thanh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí phúc thẩm. Tổng cộng, anh T phải chịu 600.000 đồng án phí, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm mà anh đã nộp theo biên lai thu số 20496 ngày 10/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tiền Giang, nên anh phải nộp tiếp 300.000 đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Văn Ngoan